

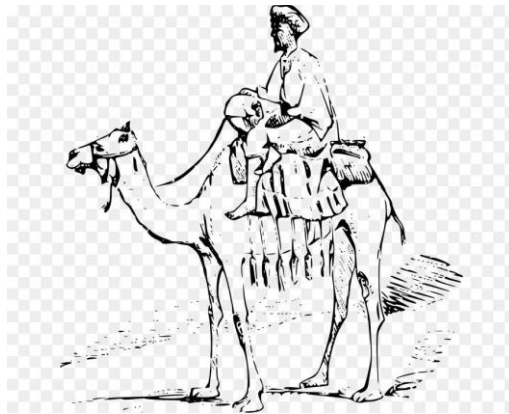
# NGƯỜI DẮT LẠC ĐÀ

## 牵骆驼的人

TÙNG DUY HI

## 从维熙

Nguyễn Văn Thực dịch từ nguyên văn chữ Hán



**LND:** Nhà thơ Nguyễn Chí Thiện trong Lời Nói Đầu của tập thơ Hạt Máu Thơ có viết: “Sự tàn bạo man rợ của Cộng sản tôi hiểu. Thế mà khi đọc truyện ngắn ‘Người dắt lạc đà’ của Tùng Duy Hi người Trung Quốc viết về Cách mạng Văn hoá, về tội ác của chế độ Mao, của Hồng vệ binh, tôi vã mồ hôi trán vì xúc động, vì phục tài người viết.”

Cũng cần nói thêm, theo sự tìm tòi của người dịch, và nhờ sự chỉ dẫn của trưởng ban Hán, Hàn, Nhật, thuộc NXB Nhã Nam, thì truyện này chưa từng được dịch ra tiếng Việt. Điều này có nghĩa là Nguyễn Chí Thiện biết cả tiếng Hoa, biết thành thạo.

Người dịch giữ lại lối chấm câu của tác giả.

\*1\*

Mồng 3 tháng 3, chùa mở cửa.

Cái thị trấn nhỏ bị bụi, khói sa mạc bao phủ, đột nhiên trở nên sống động khác thường. Khách đến thấp hương vãn chùa chân nôi chân, du khách, du khách lũ lượt. Người thổi kẹo đường, phươn trên đỉnh sào tre, người bán kẹo bông đường, những màn trò khi, trống thì thòm, những tay bán ma tuý rong, tất cả tụ tập trước sân Chùa Lạt Ma của thị trấn nhỏ. “Con phe” từ phương Nam tới treo bán xung quanh sân chùa những cái áo khoác ngắn đủ màu, đồ lô can cũng có, đồ nhập cũng có, đồ nửa lô can nửa nhập cũng có luôn. Bán những đồ đại loại như thế mỗi năm một lần ở hội chợ chùa và đi lòng vòng trong đó, thì thiệt là không thích hợp với chôn tôn nghiêm, nhưng màu sắc và lạc thú của sức sống thì tràn trề và tuyệt vời.

Mông 3 tháng 3 Âm lịch, tức ngày 18 tháng 4 Dương lịch, phía bên kia Vạn Lý Trường Thành khói liễu đã mông lung, khó mà thấy được đầu ngọn của những hàng liễu cát, khói giống như một tấm vải dệt màu xanh pha màu vàng nhạt. Giống gai lạc đà trở mằm trên lớp da đất hoang dại, khô cứng; đây là trang sức duy nhất của mùa xuân trên sa mạc mênh mông. Ngoài màu vàng rồi lại màu vàng, chỉ có những đụn cát tô son môi ngoài xa xăm – vàng mặt trời đã mọc nơi xa xăm ấy.

Hồng Đức Chương là một người dắt lạc đà dắt con lạc đà hai bướu, chạy nhanh xuyên qua khoảng cách 18 dặm (8,5 km) tới chợ phiên Chùa. Gà gáy canh hai, nhóm bếp; gà gáy canh ba, lên đường. Đường trên cát mềm như lót bông; thật khó cho một người chạy nhanh muốn vượt quá tốc độ. Hồng Đức Chương đã quen chạy lúp xúp với lạc đà, nay bước theo nhịp cổ định, không vội, không chậm, thật ung dung.

Đây là một con lạc đà già sống bên kia Trường Thành. Trên cần cổ có túi thịt, lông lạc đà mọc dựng đứng, trên lưng có hai bướu, một cao, một thấp, hói như ngọn núi một tác cỏ cũng không mọc được, phờ ra lớp da sần sùi nâu xanh giống như màu đá. Đó là vì những gánh nặng trên đường dài bất tận, những vết tích của cuộc đời, còn lưu lại.

Mặc dầu con lạc đà già đã tới tuổi mừng kim khánh, ngọc khánh, nhưng, với trang sức trên mình, vẻ quyến rũ của nó vẫn còn đó. Dây cương bằng ny lông, vải trùm đầu làm bằng len dệt màu xanh lam, giữa miếng trùm đầu có treo một giải lụa màu đỏ, giống như màu cao lương đỏ rực. Ở bên kia Vạn Lý Trường Thành người ta gọi giống lạc đà này là “thuyền sa mạc”, nó gần như chỉ làm công việc nặng nhọc, nhàm chán, và cũng chẳng phải là con lạc đà “dẫn đường”. Hồng Đức Chương có sáng kiến trang sức cho nó thành nàng “Hoa Đán” (một nhân vật nữ trong tuồng cổ Trung Quốc), thậm chí cái chuông treo thông nơi cổ cũng khác những con lạc đà khác, những con lạc đà này chỉ có một chuông đơn nơi cổ, còn nó lại được đeo chuông đôi. Chuông làm bằng đồng thau sáng bóng, tiếng chuông thật trong, thật ngọt. Một bước, một lắc, một tiếng chuông... Tiếng chuông, tiếng hát từng chuỗi lan xa tới các con đường cổ xưa trong sa mạc, tạo thêm một chút niềm vui cho những chuyến lữ hành cô đơn.

Người chủ của con lạc đà, Hồng Đức Chương và con lạc đà già trông giống nhau. Ông ta, tay nắm dây mũi đi trước con lạc đà, và mắt thì khi nhắm khi mở; thỉnh thoảng ông kéo dây mũi thúc con lạc đà đi cho nhanh. Đi được một lúc, ông ta lại lấy một tay che một mắt, ngóng nhìn bức tường màu đỏ thắm của Chùa Lạt Ma mờ mờ ảo ảo, rồi đỡ lấy cái lưng cong như cây cung của mình, vươn thẳng lên một chút, và dường như có một chút hi vọng nào đó nơi chợ phiên ở chùa, đôi môi ông run rẩy, như đang tụng thầm trong lòng một loại kinh nào đó, niệm đi niệm lại:

*Quá khứ xa vàng mắt sắc  
Tương lai gậy, trượng mọc mằm  
Vàng trắng tốt thiệt nào sai  
Tiền tài vào nhà rằm rằm*

*(Viễn khứ hoàng kim thất sắc  
Thái lai bổng, chuy xuất nha  
Nguyệt kim cực hảo vô sai  
Chiêu tài tiến bảo phát gia)*

Ông ta không biết giờ nào của năm nào, không biết mạng ông và quẻ kim tiền sẽ tương hợp với nhau hay không. Mỗi khi ông ta dắt con lạc đà ra khỏi nơi trú ẩn trong sa mạc, ông ta gieo 3 đồng tiền các loại 2 hào lần tròn trên đất 6 lần. Chiều tối hôm qua ông ta lôi mạnh con lạc đà trở lại Trương Gia Khẩu, người buồn ngủ, lạc đà mệt, nhưng nghĩ tới ngày mai là ngày mồng 3 tháng 3, ngày chợ phiên chùa, ông ta lại lấy tiền các thay vì tiền cổ, gieo 64 quẻ thì trúng quẻ thứ 60, quẻ tượng Trung Thiên đoán định là ngày 3 tháng 3 là ngày hoàng đạo, ngày tốt, bèn dắt lạc đà đạp cát chạy băng băng tới Chùa Lạt Ma.

Đi mua gì vậy? Không mua gì hết.

Đi mua gì vậy? Không mua gì hết.

Hồng Đức Chương đi qua sa mạc đến Trương Gia Khẩu, nơi một thời ông từng là phu dắt lạc đà cho một công ty ở thị trấn chuyên buôn bán da thuộc, trong khi thay phiên làm việc ở Trương Gia Khẩu mới đây, đầu cầu của trung tâm thị trấn, ông đã có lần gặp một đám nam nữ người tây phương tóc vàng, tròng mắt xanh đứng chặn đường, ông đứng chết trân, không biết phải xử ra sao. Người thông dịch nói cho ông ta biết là mấy người Tây này không có ý xấu, họ chỉ muốn luân phiên chụp hình cùng ông ta và con lạc đà ở Cầu Lớn. Hồng Đức Chương, thực lòng mà nói, không biết là người ta muốn chụp hình màu ông ta và con lạc đà, ông ta không lắc đầu từ chối, cũng không gật đầu đồng ý, ông chỉ là một chút “gia vị” trong một tấm ảnh chụp làng Hồ, xứ Hồ, cách cách một tiếng, có một cô gái ngoại quốc rất đẹp đang đứng, lúc đó chưa chi mà từ trong máy ảnh cô ta cầm trên tay đã chạy ra một tấm ảnh và tặng ông tấm ảnh ấy. Thoạt đầu tấm ảnh còn lờ mờ; nhìn lại lần nữa ông ta và con lạc đà cả hai chậm chậm phô ra. Ông ta vội vàng móc túi, lấy ra hai đồng tiền các, tiền ăn đi đường, người thông dịch không nói gì, cầm lấy tiền ấy và nhét vào túi lại cho ông ta, ông người Tây lúc này ngáng đường ông, ép ông nhận một tờ giấy bạc có in đầu một ông Tây. Cho tới khi đến quán bán đồ da, ông hỏi lòng vòng, lúc đó ông mới biết đó là một tờ mỹ kim 10 đồng.

Khi về tới được nhà, lòng cứ như hủ ngũ vị chua, ngọt, đắng, cay, mặn bị đổ: sợ sợ, mừng mừng, mừng mừng, sợ sợ. Ông nhìn vào tấm ảnh màu chụp ông và con lạc đà, đôi môi khô héo thoang thoang một nụ cười, vì trong phạm vi gần như trong vòng mười dặm (5 km), có 10 người dắt lạc đà, không có lấy một người dắt lạc đà tải hàng hoá làm cái nghề như vậy; lại nhìn cái tờ giấy bạc 10 mỹ kim, vành môi nở một nụ cười lúc này, giờ mím lại thành chữ nhất (一). Thứ tiền này ông đã gặp khi đi lính ở Triều Tiên, chúng cùng mấy anh chàng Tom nước Mỹ đều đã trở thành chiến lợi phẩm và được chuyển lên cho cấp trên.

Những chuyện này đã xảy ra lâu lắm rồi, đã giống như những vì sao mờ mờ mà ta đứng dưới đất nhìn lên bầu trời: năm ấy ông vừa mới ngoài đôi mươi, lúc đó đang biểu diễn trò “cỡi ngựa bắt dê”, được đại đội trưởng trong đơn yêu mến, nhập ngũ chưa được nửa năm, rồi hát bài “lòng anh dừng, chí hiên ngang” qua cầu, vượt sông Áp Lục. Hồng Đức Chương tới nay vẫn còn nhớ ngày ấy là ngày 25.10.1950. Anh công tác ở ban hậu cần. Mỗi ngày anh dắt lừa, ngựa mang lò bếp, dụng cụ nấu ăn, tiến quân theo toán bộ đội đi đầu. Ngày đó cũng không đến nỗi nào: vừa hỏi hợp vừa thoả chí, vượt sông rồi, chưa quá ba tháng, súng chưa bắn một phát thì bộ đội đã đến được

Hán Thành. Sau đó, anh và các chiến hữu gặp chuyện không may, khi rút lui khỏi Hán Thành bộ đội và hậu cần chạy thoát thân trước tiên, các toán xe tăng của Mỹ cắt ngang con đường rút lui, nhiều chí nguyện quân bị bắt làm tù binh.

Bị nhốt tại trại tù binh chẳng chịt hàng rào điện. Nhập vào Triều Tiên đã mấy tháng, anh vẫn chưa bắn súng lần nào; bị bắt làm tù binh anh ta trở thành một con ngựa non bắt kham, háu đá, hung hăng. Vào đêm lạnh, trời tối thui, gió lớn, chàng ta đã hai lần trốn trại tù, cả hai lần đều bị bắt lại. Thế rồi lính canh tù, để phòng ngừa chàng ta trốn tù lần nữa, bèn tìm cách thử xem chàng ta có làm gì được nữa không: Họ dùng thuốc mê gây mê chàng ta, và dùng kim bằng thép nhúng vào thuốc có hoá chất châm trên cánh tay trái chàng ta bốn chữ: “反共到底: Phản Cộng Đáo Đê: Chống Cộng Tận Cùng”. Khi anh ta tỉnh dậy, hành động phản đối thứ nhất là tuyệt thực một tuần, sau đó lén lút kiếm một miếng đá làm dao nhọn, như chuyện Quan Vân Trường cho phép thần y Hoa Đà vì mình mà nạo xương trị độc, chàng ta kê các chiến hữu của mình dùng miếng đá nhọn đó nạo cho mất vết si nhục trên cánh tay mình. Chàng ta cắn chặt răng, không rên, không la, cái chỗ bị nạo đó máu thịt bị thối. Chăn đắp bị nhuộm đỏ. Nhưng điều làm chàng ta thất vọng là sau khi vẩy vết thương tróc ra, cái hàng chữ chàng ta cảm thù trong tận xương tuỷ, cái hàng chữ ấy vẫn nằm chần dằn trong da thịt anh như cũ.

Chàng ta la.

Chàng ta hét.

Chàng nhảy chơi chơi chửi bọn lính Mỹ coi tù.

Một khi chàng ta hoàn toàn không thể xả được những phần nộ trong lòng như thế, anh ta cảm thấy là mình bị tà hoả và anh thích được ở tù mà bị tà hoả như thế – Lý Quảng, thông dịch viên cao ráo, đẹp trai nhìn chằm chằm vào hai vết tát còn in dấu rõ ràng rằn trên má của Hồng Đức Chương. Thế là cái anh chàng đẹp trai này lợi dụng giờ tù binh được ra ngoài hóng mát, và nhân gặp được Hồng Đức Chương tại cầu tiêu, thì lấy cái giọng từ tế khuyên anh ta phải coi chừng, đừng ách giữa đàng mà quàng vào cổ...

Ký ức chết đã lâu, chuyện ông nắm trong lòng bàn tay tờ mỹ kim lại hiện lên trong trí. Ông ta, vốn bị bệnh hay quên, mí mắt khô làm thối cả mắt... Trong những ngày ấy ông ta từng gặp các chiến hữu lấy đồ la làm đích bắn cho súng, hay cuốn làm điều thuốc lá. Cái ông lớn trên tờ giấy bạc để cho người ta đội tóc giả đó là ai, giở lại theo điều thuốc lá thành tro tàn? Cả trong giấc mộng Nam Kha hơn 30 năm, chưa thấy Hồng Đức Chương với vết tát và anh thông dịch viên đẹp trai hội ngộ với nhau một lần. Theo như lời của người ở trạm mua bán hàng da nói cho ông, thì cái tờ bạc đó, đổi chợ đen thì cũng được ít nhất 5 đồng “đại đoàn kết”, thế rồi có một tiểu sư phụ trẻ tuổi giộng quỳ một cái rằm và đưa ra 50 đồng, Hồng Đức Chương không muốn mất đi một món hời, chụp ngay tờ giấy bạc 50 đồng ấy và bỏ vào túi áo, hoàn thành cuộc đổi chác một cách bạo dạn không ngờ.

Ông ta là một con ma cô độc trong mồ, nhưng cũng có cái ăn cái mặc. Giữa thập niên 50, có người đàn bà câm ung ông ta, một anh chàng đã quá 30, đến năm 1984, thì xuống xuôi vàng trước ông ta, nằm xuống trong sa mạc và làm bạn với gai lạc đà, chỉ còn con lạc đà già đó là bầu bạn với ông ta, kẻ bị ngã gục và bị bỏ mặc, muốn làm gì

thì làm trong nơi heo hút. Người ta không biết rằng Hồng Đức Chương cũng đã đi kiếm nơi gởi gắm tình cảm của mình, vì tại nơi đầu cầu Trương Gia Khẩu, mộng ước vẫn còn đó, và dù gì đi nữa thì vợ ông cũng đã chết, ông ta dùng hết tinh lực mà trang sức cho con lạc đà già, chải bờm, chải đuôi cho nó, mua vải trùm đầu, cột chuông nhỏ. Nhưng điều làm cho ông chán nản đó là chuyện xảy ra ở đầu cầu Trương Gia Khẩu, du khách không còn đến thăm nữa. Hạn hán lâu, không mưa, đồng\*<sup>1</sup> khô cỏ cháy, cho nên ông ta đành phải dắt lạc đà tới chợ phiên trước chùa Lạt Ma.

\*2\*



Gai lạc đà

Tục ngữ: Nhìn núi, phi ngựa chết

Vòng tường màu đỏ thắm của chùa Lạt Ma, mặc dầu hiện ra trước mắt, nhưng tính theo bước đi theo “nhịp bốn bước chậm” của con lạc đà già, thì con đường còn dài lắm!

Ông ngừng lại, muốn quất roi con lạc đà, thúc nó đi nhanh, cứ tung dây cương lên, rồi giật lại. Hồng Đức Chương không tìm ra được lý do gì để đánh nó. Sau cuộc “Cách mạng văn hoá” cũng là lúc dân-chính-sảnh cởi giùm ông chiếc mũ “gián điệp” bằng thép mà ông bị chụp bấy nay, và giúp ông một chút tiền, ông mua con lạc đà tải hàng này. Lương thực cũng nhờ nó, áo quần cũng nhờ nó, rồi ngay khi chôn cất vợ mình, thì cả cái quan tài mỏng làm bằng liễu đỏ màu son môi cũng nhờ nó, cũng nhờ nó mà kiếm ăn được. Lại nữa, cái tờ giấy bạc mười mỹ kim, không có con lạc đà thì làm gì mà thằng cha Tây mũi lớn ấy cho ông. Người ở sa mạc nói: lạc đà trắng là lạc đà thần, trong mắt của Hồng Đức Chương thì chẳng có thần ngựa, thần lạc đà nào trong sa mạc, ông, kẻ cầm cương gấn nơi đỉnh đầu lạc đà, xoa bóp làn da trời cho của nó, chính là thần lạc đà vậy.

Cát thì rất mềm

Đường thì rất xa

Hồng Đức Chương cúi xuống, ngẩng lên nhìn sống lưng cong của con lạc đà, hai mắt nheo hi hí, giống như con mèo ngủ thiu thiu dưới ánh mặt trời gay gắt, lúc nó có vẻ chẳng đoái hoài gì đến chuyện bắt chuột. Chợt tỉnh lại, ông nắm lấy dây cương, vung tay, và tung dây cương lên đầu con lạc đà thúc nó chạy nước kiệu. Ông ta hét đi đằng đầu, lại quay lại đi sau lạc đà, chạy theo sau bước chân lạc đà, nói lỏng tay khâu, và đường như mồ hôi lại đổ ra cả người thêm một ít. Ông ta kéo lạc đà, vươn vai mấy cái, dậm dậm vào cánh tay, rồi lại cúi đầu đi.

Chạy.

Chạy.

Lạc đà rất cao.

Ông ta lùn tịt.

Nếu ông ta không mặc bộ đồng phục bốn túi “thẻ xanh lam”, không đội một chiếc mũ xanh lam dân thường Trung Quốc mặc, không đi trên con đường cỏ trong sa mạc màu vàng, thì ông trông như một cây liễu cát chết khô, hoặc như một hạt cát trong vũ trụ vô cùng lớn. Ông sợ cái màu vàng khô khốc, không phải chỉ vì sa mạc nghìn trùng lượn cát, làm cho người dắt lạc đà đau đầu; và còn hơn thế, ông sợ cái vận mạng của mình đa phần ngoài tầm tay mình, bắt đầu từ ngày khoác quân phục màu cỏ úa nhập Triều Tiên. Chuyện “nạo xương trị độc” trong trại tù binh, mặc dầu đau đớn vô chừng, nhưng trong lòng không kết thành vết sẹo nào; sau cuộc thương thuyết ở Bản Môn Điểm\*<sup>2</sup>, chàng lại tiến qua cửa ải về nước, suối lòng lại bắt đầu rỉ máu. Nhớ lại hồi ấy khi đi tàu lửa ra khỏi nước, suốt con đường hoa tươi thắm, suốt đường lệ rơi, xe, cứ mỗi ga, dân chúng reo hò long trời lở đất; đến khi trở lại cố quốc như tù binh trong đoàn tàu đặc biệt bí bưng như xe tăng chở tù binh, thì chỉ có tiếng rầm rầm của bánh sắt nghiền lăn trên đường ray phát ra, chỉ còn lại một bầu không khí im như chết. Không ai đợi ai, có người tù binh vừa thăm thì vừa khóc, vừa đọc thơ:

*Xe qua sông Áp Lục  
Trông như bay một giòng  
Tổ quốc – con đã về*

*(Xa quá Áp Lục giang  
Hào tượng phi nhất dạng  
Tổ quốc – ngã hồi qui)*

Mẹ ơi! Nhưng tiếng kêu cô đơn này đã như tiếng kêu nã nê ve thu, mà nào có vang vọng được gì. Các chiến hữu của anh nằm kiệt sức ngôn ngang trong toa, dường như một ngày mai lạnh, dừ ra sao đã được biết trước; bởi vì vào cái ngày ở Triều Tiên đợi về nước, người chỉ huy của nhóm bảo vệ đặc biệt đã phân phát giấy bút cho mỗi người, cuộc điều tra nghiêm khắc đã bắt đầu, sau ánh mắt ôn hoà, ẩn tàng sự xa xót, trong lời nói ân cần đã ẩn chứa sự lạnh nhạt. Vừa ra khỏi “Cửa Bắc”\*<sup>3</sup> chuyện ôm nhau khóc lóc toi bời đã không còn diễn ra nữa, con tim cháy bỏng của các tù binh bắt đầu sương rơi, tuyết đổ...

Hồng Đức Chương nhớ lại là anh ta vừa run vừa viết tới bốn tờ khai báo, về chuyện bị bắt làm tù binh và cả chuyện phản kháng trong trại tù, thành thật khai báo đầy đủ trên

giấy. Anh ta tự giác, không có gì phải thẹn với lòng, thái độ đàng hoàng và lương tâm trong sáng. Nhưng, anh đã nộp tờ khai báo xong đâu vào đó, mà chẳng nhận được sự trả lời nào, chuyện im lặng như thế làm lòng anh tê tái, do đó sau khi ngồi nơi cửa toa anh ta lại lui vào một góc toa xe lửa bít bùng, lòng bồn chồn như có lửa đốt, bất an như thể có mèo cào cào trong tim.

“Tới đâu rồi?” Có người hỏi nhỏ.

Chẳng ai trả lời.

“Dám là đã tới Tứ Bình.”

“Tính toán mà làm gì không biết! Bộ đang trông chờ chổi chà của bà mẹ ghẻ đập cho sung đầu chắc!” Chàng không biết ai lên tiếng gheo người đọc thơ.

“Có thể không có ai đâu!” Hồng Đức Chương nói chen vào. “Tất cả những kẻ không muốn thăm bà mẹ ghẻ đều là bọn đã chọn ‘Cửa Nam’ rồi. Còn chúng ta, chúng ta đều ghét cái vùng đất màu vàng ở Trung Quốc ngoài kia.”

“Hừm!” Người trả lời tránh không nói, chỉ ngoáy ngoáy lỗ mũi.

Xe lửa đến bến trong lặng câm.

Bánh không còn lăn, các chiến hữu phải rời nhau đi về các hướng Tây, Nam, Bắc, Trung tại đây.

Ở đây là ga trung chuyển.

“Tại sao anh lại đòi về nước?”

“Tôi sinh trưởng tại Trung Quốc mà!”

“Những điều anh viết trong bản tự khai có trung thực không vậy?”

“Vâng, rất trung thực.”

“Ở trong trại tù binh, anh mạnh khoẻ như vậy, vì có gì anh lại giờ tay đầu hàng là sao?”

“Bùn do đạn đại đạn bác bắn đã chụp lấy tôi, trùm lấy cả người tôi, khi tỉnh tỉnh dậy được thì thấy mình bị bắt.”

“Chớ không phải vì sợ chết à!”

“Không phải.”

“Vậy có ai làm chứng cho anh về vụ này không?”

“Vâng, có anh thông dịch viên tên là Lý Quảng, anh ta với tôi cùng bị chôn vùi với nhau. Chỉ có anh chàng đẹp trai này, tôi tin là còn sống, cuối cùng khi chúng tôi phải

chọn ‘Cửa Nam’ hay chọn ‘Cửa Bắc’ thì anh chàng này đi về phía ‘Cửa Nam’. Trước khi chúng tôi rời xa nhau, thằng chó đẻ đó từng đến bên tôi và khuyên tôi cùng đi con đường hẳn chọn, tôi cắn một miếng vào mu tay của hắn một cái để cho hắn nhớ đời. Những điều này tôi đã viết trong tờ khai cả rồi cơ mà.”

“À há! Lấy một người không trở về nước mà làm nhân chứng, thì đó là một trò siêu lấu cá. Chúng tôi không có ngọc như vậy đâu, chúng tôi không thể căn cứ trên bản khai báo mà bỏ qua cái quyết định quỳ gối đầu hàng ở chiến trường của anh. Ngoài ra anh còn chứng cứ nào mạnh mẽ hơn để biện hộ cho anh không?”

Hồng Đức Chương hét lên “Cái lương tâm của tôi trong Trời Đất!”

Những người lính khác đứng đó không thét lên được nổi bi phẫn của mình như Hồng Đức Chương, nhưng họ đã mất đi lòng kính trọng vào cái uy nghiêm, phong độ của sĩ quan phân xử vụ này. Họ không giận cũng không cười, người ta chỉ cần nhìn vào cái vẻ mặt của họ cũng thấy. Thế rồi vị sĩ quan đóng hồ sơ lại, rồi xướng tên một tù binh khác, Hồng Đức Chương đứng đó như chết trân – một túi đã mở sẵn, trong đó có quần áo, tiền đi đường, giấy đi đường, trong giấy đi đường có ghi là anh phải trong nội 3 ngày đến trình diện với chính quyền của khu tự trị x.

Đàn ông không dễ gì mà khóc. Hồng Đức Chương, khi anh chạy ra giữa phòng xây bằng gạch đỏ, nước mắt anh chảy ngập hai lỗ mắt. Mới lúc nãy anh đã thét lên như sấm động, tuôn trào ra hết những gì về cuộc đời mình. Từ ngày hôm nay mà đi, anh biết rằng có nói năng chi thì cũng bằng thừa. Cùng ngày hôm đó anh leo lên chiếc xe chạy đường trường hướng về vùng Tây Bắc. Hai ngày sau anh trình diện với cơ quan chính quyền địa phương: viết, ký tên và đóng dấu, cho anh một tờ giấy giới thiệu, trong đó có nội dung là anh sẽ được bố trí làm tại một xưởng sản xuất đá sa thạch.

Đó là một bãi sông ở một nơi không ra thành phố, không ra thị trấn. Do sa mạc hút không ngừng nguồn nước của sông, lòng sông rộng trở nên khô cạn từ lâu. Những hòn đá lớn như đầu người hay nhỏ như trứng bọ câu, nằm dày đặc trong lòng sông phủ bùn khô kết lớp. Đây là công ăn việc làm cho những người lang thang vô nghề vô nghiệp. Nói rõ ra là họ đào những cục đá này lên từ lòng đất cát, phân loại to nhỏ bỏ qua từng bên, vận chuyển dọc đường ray tới một ga nhỏ.

Trên bờ sông có hai hàng lán sơ sài cho công nhân. Một hàng cho đàn ông, một hàng cho đàn bà. Không có bếp, để che gió thì chỉ có một mái che mà không có tường bốn phía, mái lợp rơm qua quýt, phía dưới có một cái xúng hấp bằng tre và một cái nồi sắt to bự chảng, được coi như là nhà bếp. Ở đây không có nhà cầu, may thay có hai bờ sông hoang vu chẳng ai ngó ngang tới. Khắp nơi là những đụn cát dựng đứng, khuất mắt, tại đó người ta giấu mình trong một góc mà đáai bậy hoặc ỉa đồng. Có phải vì Hồng Đức Chương có thể cưỡi ngựa hay là bị ghi sấn trong hồ sơ, anh cũng không biết, mà ngày thứ hai anh bị phân công đến chuồng ngựa cho ngựa ăn. Chuồng ngựa tuy xập xệ mà coi ngon lành hơn nơi người ở, với tường ván, máng gỗ, mái che bằng vải bạt. Bên cạnh có một cái lán lớn kết thành bởi những nhánh cây mục, một nửa chứa thức ăn tinh chất, nửa bên kia là nơi người chăn ngựa Hồng Đức Chương ở. Nhờ thế mà so với việc này, việc kéo đá, chuyển đá thập phần bộn bịu hơn. Hồng Đức Chương đã gian khổ đến nơi hoang dã đã tới ngày thứ ba, đã biết, do người lái xe ngựa nói, đây không phải là một xưởng sa thạch thực thụ, đúng ra đây là một đại đoàn bị cưỡng chế lao động, gồm những đàn ông, đàn bà từ những thành thị vùng Tây Bắc



đến, người nào người nấy đều có khăn trùm đầu, đều có tiền án – còn anh, anh là tù binh đương nhiên trở thành một con dòi trong hũ tương.

Từ lúc đó trở đi Hồng Đức Chương tránh như tránh tà màu vàng. Anh đưa chiếc quần đùi nhà binh màu vàng cỏ úa và chằng vá đụp cho một người đàn bà câm vốn có kim chỉ để làm dây cương cho súc vật vận tải vá giùm. Người đàn bà câm hơn anh 3 tuổi, là vợ của một trung sĩ Quốc dân đảng ở lại lục địa Trung Hoa, do đó cái cơ duyên là có cái áo bông rách burom, chị ta trong đêm lén lút lén vào ngủ một mình tại cái ổ rom của Hồng Đức Chương nơi lán ngựa. Hồng Đức Chương lúc ấy không muốn giao tiếp hoài với người đàn bà này, anh tung chăn ra và đẩy bà ta ra ngoài. Chị ta thầm thì “được, được”, rồi dùng ngón tay trở chỉ không ngừng vào trái tim mình, ra dấu muốn tỏ cho Hồng Đức Chương biết rằng chị ta nhất quyết theo anh ta. Hồng Đức Chương chồm dậy và tống chị ta ra ngoài, chị ta cuộn người lại trước mặt anh, trước tiên thì quỳ sát Hồng Đức Chương, sau thì bò trên đất làm như ngựa, bò tới bò lui, muốn biểu lộ là chị muốn suốt đời làm thân trâu ngựa cho Hồng Đức Chương cỡi, Hồng Đức Chương lòng run rẩy, anh nâng người đàn bà câm lên, và để cho chị ta ở lại trong lán qua hết đêm.

Dưới ánh đèn chuồng ngựa, Hồng Đức Chương dùng bút chì thay miệng, rạch ba chữ lớn trên mặt đất: “Này chị, tại sao chị lại muốn ở đây vậy?”

Người đàn bà vừa điếc vừa câm, so với Hồng Đức Chương, cũng viết được chữ đầu ra đây: “Tại vì anh là người câm.”

Hồng Đức Chương bây giờ mới thành linh hiểu ra: Anh ta đến đội cường bức lao động đã nhiều ngày, mà chớ có nói với ai một câu. Chị ta là một người câm thực sự, còn anh ta, anh là người không câm mà trở thành câm; chuyện này dầu sao đi nữa cũng nhắc nhở anh: anh là một kẻ cư xử như một người câm, làm việc mà cứ nín thinh, để tránh gây rắc rối.

Người đàn bà câm này duyên dáng và linh lợi, biết Hồng Đức Chương không ưa màu vàng đã đổi được bộ quần phục màu vàng cỏ úa đã rách với một người đàn ông, lấy 3 gói thuốc lá cho anh.

Được hai năm thì họ lấy nhau.

Chỉ có hai tờ giấy kết hôn, một cái giường gỗ.

Chẳng có khách khứa, chẳng có bạn hữu – Chỉ vì “lừa què xứng với thót xay vỡ.”

\*3\*



Liều cát

Từ sau khi ông mua con lạc đà già này, thì ông đã đốt trên móng lạc đà 3 chữ “**Hồng Đức Chương**” rõ lớn, thứ nhất ông ta sợ mất, thứ hai ông cảm thấy cuộc đời của ông ta và con lạc đà giống nhau ở chỗ cả hai cũng đều có cuộc đời của những con thú tải hàng nặng. Khi đi sau lạc đà, chuyện luôn luôn thấy được ba chữ “**Hồng Đức Chương**” làm cho lòng ông sâu khổ bội phần. Do đó vừa đi gần được 2 bước, ông ta lại chạy lòng vòng đến phía trước lạc đà. Nghiêng nghiêng cổ nhìn mặt trời, mặt trời đã lên cao một con sào; ngóng đầu nhìn Chùa Lạt Ma, lúc này khoảng cách cũng đã rút ngắn. Rõ ràng đây là cái công quái dị của vợ anh, ông chạy trước lạc đà, cố vút đi khỏi tâm trí những chuyện “lừa què” “thót xay bẻ” mà không vút được. Đột nhiên ông giải thoát được muộn phiền: Vợ ông linh hiển! Vợ ông còn nằm bên cây liều cát, vào lúc này, vợ ông đang nhìn ông chồng của mình đang dẫn lạc đà tới, vì có gì bà ấy lại không thể nói chuyện cam với chồng?

“Anh sống một mình được lắm.”

“Cái con lạc đà già này đi với anh rất thân thiết.”

“Cái con lạc đà già này có cùng linh tính với em đó! Có một ngày, anh dẫn lạc đà đi ra ngoài lượm củi, nó chết sống gì cũng không muốn ra khỏi công. Anh cứ nghĩ nó bị một sao đó, anh trồng vào cổ nó sợi dây thừng, tay cầm một cái liềm, anh chỉ vừa mới ra khỏi công, nó đang nằm cuộn người dưới đất, nó trỗi dậy, dùng miệng cắn đứt hai chiếc nút trên bộ đồng phục bốn túi của anh. Anh chửi nó, bảo nó buông ra, thế là anh

phải quay lại ổ rơm của anh mà dính lại mấy cái nút. Vào mùa này bão cát mù trời mù đất đã qua rồi. Em yêu, con lạc đà nó yêu anh thắm thiết y như em yêu anh vậy!”

“Em yêu, gom đủ tiền, anh sẽ dựng bia mộ cho em. Được không em?”

Hồng Đức Chương nghiêng cổ, nhìn về hướng có cây liễu cát nhánh khô thân kiệt lắm lắm. Ông cảm thấy đau đau nơi cần cổ, bèn ôm hai má, vắn qua vắn lại mấy cái, cúi lưng, cúi đầu xuống, vươn người lên, rồi dẫn lạc đà đi ra phía trước.

Con đường dưới gót chân ông, ông vốn biết quá rõ. Nơi này trước kia chính là bờ sông mà ông đã bới móc cát, đá, đào xong một bận lại chuyển tới lán chung một bận, nếu “Văn hoá đại cách mạng” không đóng cửa xưởng sản xuất đá sa thạch thì dám là phải đào cho tới tận chân trời lặn! Năm đó đã đào đến thôn ổ trong sa mạc rồi, hồng vệ binh sợ hụt, đã nhanh chân đến trước móc cho được “con chó sói” ra. Đồng thời một số đã dùng xe jeep chạy tới nguyên quán để vả mặt, để đầu tổ gia đình nạn nhân; Hồng Đức Chương vốn không có thân nhân ở nguyên quán, nên họ tiến hành điều tra ông tại nơi ông trú ẩn trong sa mạc.

“Mày là cái thằng khốn nạn làm gián điệp cho đế quốc Mĩ!”

Hồng Đức Chương quỳ dưới đất không nói một lời nào – ông ta đã hơn chục năm nay là một gã câm. Vợ ông dạy ông dùng tay mà nói chuyện, cơ năng của miệng và lưỡi dần dần đã bị thoái hoá.

“Cái thằng khốn nạn, mày có khai hay không khai đây này!”

Dây trói da và gậy gộc đã chuẩn bị sẵn.

Hồng Đức Chương thì thào như tiếng muỗi bay: “Tôi chỉ từng là một tù binh thôi mà.”

“Mày có tham gia tổ chức phản cách mạng nào không?”

Hồng Đức Chương lắc đầu nhẹ, vẻ thoi thóp như quả lắc đồng hồ sắp ngừng.

“Xấn tay áo lên!”

Hồng Đức Chương không thể ngờ rằng hồng vệ binh biết được cả cái bí mật trên cánh tay ông. Vào những lúc trời nóng như thiêu như đốt trên bãi sông đào đá, cả hơn mười năm ông không một lần mặc áo cụt tay. Vợ ông hiểu rõ nỗi đau khổ thầm kín của chồng mình, tại mỗi cổ tay áo của chiếc áo bó sát thân, chị dính một cái nút, phòng khi ông tay áo bị gió thổi bốc lên, tai hoạ sẽ ập tới. Năm 1963, người ta treo trên hai lán của chuồng ngựa khẩu hiệu: “Mọi người không được quên cuộc đấu tranh giai cấp”, ngay cả trên những máng ngựa, người ta cũng gắn đầy những khẩu hiệu hoa hòe. Vào lúc này, có một lần Hồng Đức Chương gọi bà vợ câm của mình lại, biểu dùng than đang cháy đỏ rực thui cho tiết hàng chữ ấy, bà vợ già không muốn xuống tay, Hồng Đức Chương chụp lấy cục than hồng đang cháy rực, gồng mình nghiêng rặng lãn cục than hồng trên cánh tay của mình, ông kêu lên: “Ồi!”, trên cánh tay làn khói như khói cháo cháy bốc lên thit người ông. Hồng Đức Chương đau đến ngã xỉu xuống đất, khi tỉnh dậy, bà vợ câm, giống y như mèo liếm cháo, lấy đầu lưỡi liếm vết thương chồng mình; ông nhìn chăm vào cánh tay máu thit toi bởi, một chữ bị cháy

tiêu là chữ “Phản”, cắn răng, với quyết tâm “một là làm, hai là đẹp”, ông ép bà vợ gấp cục than hồng đốt luôn chữ thứ hai: “cộng”, còn lại hai chữ “đến cùng” thì chúng chẳng bao hàm ý nghĩa chính trị gì ráo, người vợ bất cần biết, bà nhất quyết không làm, ôm lấy chồng, lật qua lật lại một cánh tay nát như tương, rồi khóc mãi cho tới khi trời rạng đông. Thật là cái bọn gian ác. Cánh tay, không dùng một loại thuốc chống viêm nào, nhưng thật bất ngờ, dần dần phục hồi, chỉ còn lại hai lỗ lỗ sẹo đen tối. Bây giờ, hồng vệ binh bắt ông xắn tay áo lên xong, ông tự biết khổ nạn của kiếp người sắp đến, chỉ biết phó cho Trời Đất, cho định mệnh, thế rồi ông chậm thật chậm vén cổ tay áo lên, cánh tay lộ ra.

“Chạy trời, chẳng khỏi nắng! Mà có nghĩ rằng mà có thể che giấu chuyện làm gián điệp của mà bằng cách lấp liếm hai từ phản cách mạng đó mà được à? Tao báo cho mà biết rằng cái tập hồ sơ của mà sẽ theo mà suốt đời. Nói đi! Mà đang hoạt động bí mật ở đây, mà mấy đã nhận nhiệm vụ gì?”

“Tránh võ võ đưa lại gặp võ dừ. Mà cứ nghĩ rằng mà mấy khoét hai cái chữ phản cách mạng ấy là mà mà che giấu được cái bản mặt gián điệp của mà hay sao? Tao nói cho mà biết. Cái lý lịch của mà sẽ theo sát mà suốt đời. Khai mau! Mà mai phục ở đây, và cuối cùng mà mà được giao cho nhiệm vụ gì?”

“Cho ngựa ăn.”

Gậy gộc, thất lung da túi bụi quất xuống. Hồng Đức Chương ngã chúi xuống đất. Ông mơ hồ nghe hồng vệ binh bàn bạc cần phải chặt một cánh tay của ông. Sau khi tỉnh tỉnh dậy, ông thấy rằng mình nằm trên mặt đất, thân còn nguyên vẹn, mặc dù toàn thân ông đau đớn không chịu nổi, cánh tay vẫn còn đó trên cơ thể ông. Một người lái xe bò kéo đá sa thạch như ông, nói với ông ta rằng người đàn bà cầm của Hồng Đức Chương đã giải thoát chồng mình khỏi hiểm nguy, đúng lúc những hồng vệ binh sắp sửa cắt gân cốt của ông thì bà ta tóc xoả như một con ma nữ đột nhập vào phòng thẩm vấn, “Đây này, đây này!”, khua tay khua chân một lượt, lôi trong túi ra một tờ giấy, trong đó viết là bà ta biết một số người phản cách mạng tối nay sẽ sử dụng chất nổ đánh sập tổng hành dinh của bộ chỉ huy chống tạo phản, hồng vệ binh rút một Hồng Đức Chương ngắt đi lúc này, bồng lấy người đàn bà cầm nhét vào xe jeep rồi chạy vù trở lại thành phố.

Khi người đàn bà cầm này trở lại ổ rom của mình trong sa mạc, ổng tay áo lẫn miệng, cả hai đầm đìa máu tươi vì hồng vệ binh đã trừng phạt bà, không phải dùng gậy gộc dùi cui đánh cho chết mà cắt đứt năm ngón tay viết được chữ của bàn tay phải, làm cho bà phải trở lại người đàn bà cầm nguyên thủy, tàn phế lại làm cho tàn phế thêm, nhưng gai góc của những bụi cây gai lạc đà, thật không ngờ, lại bảo toàn được thân xác bà cho đến ngày tàn của phong trào Hồng Vệ Binh. Xưởng đá sa thạch giải tán doanh vụ. Ai có nơi nào để đi, thì đã đi rồi, còn lại là một số thợ đào đá an cư nơi những thôn ổ trong sa mạc. Hồng Đức Chương và người vợ cầm bị cắt năm ngón tay vừa kết thúc cuộc sống lang thang năm này qua năm khác. Trong mắt của Hồng Đức Chương, người đàn bà cầm ấy là hiện thân của một nữ bồ tát, chưa chi đã bỏ ông mà lên thiên đường. Tưởng không cần phải nói rằng sự đau buồn của Hồng Đức Chương, những người làm ăn chung với ông lúc trước ở thôn ổ sa mạc, lần đầu tiên là sau hơn một thập kỷ, đã tổ chức một lễ tang cho bà vợ ông.

Vào ngày đưa đám tang, sa mạc tuyết lông ngỗng đồ dày. Họ kéo một chiếc xe có sàn phẳng mà họ dùng để chở đá lúc trước và đặt trên đó chiếc quan tài mỏng dính, Hồng Đức Chương kéo chiếc xe và những người bạn cũ kẻ kéo trước, người đẩy sau. Con đường sa mạc cát vàng xe khó lăn bánh, ẩm ướt, nhầy nhụa, lại dài gần cả chục dặm. Người đàn bà cầm được kéo tới xưởng đá, nơi mà Hồng Đức Chương hồi ấy được giao cho công việc cho ngựa ăn trong một chuồng ngựa, và bà được chôn ở đó – Đó là nơi mà người đàn bà cầm đã trao thân cho Hồng Đức Chương. Ở trong sa mạc không có hoa tươi đỏ thắm, cũng không có bờ cỏ xanh, cho nên sau đó một vài người bạn đã đào bứng một số cây gai lạc đà và chuyển tới trồng quanh mộ. Có một vài cây gai lạc đà vì không quen thủy thổ nên đã bị chết khô, có một vài cây sống sót được, tới mùa hạ thì mọc lan quanh ngôi mộ và chum tay dâng những đoá hoa xanh lam nho nhỏ.

Hồng Đức Chương coi những đoá hoa xanh là hoá kiếp của linh hồn vợ mình, rồi ông còn mua một bộ đồng phục xanh lam công nhân mà mặc. Ông nghĩ bộ đồ cùng màu với những đoá hoa lạc đà gai, và đồng xương đồng lòng với vợ.

Chiếc chuồng lạc đà bỗng nhiên bị vỡ. Con lạc đà, bỗng nhiên, chân cũng chững lại, làm cho Hồng Đức Chương, tay đang kéo cương con lạc đà, thân phải chúm lại phía sau. Ngẩng đầu lên nhìn, thì thấy bay lên trước mặt một con rồng khói vàng, và nó lượn theo con đường xưa cũ dẫn tới Chùa Lạt Ma, bay lướt theo cả bốn chiếc xe, biển màu trắng trên nóc xe. Ông đã đi qua nhiều phố thị ở Miền Tây Bắc, và ông biết rằng những chiếc xe này là xe tắc xi. Xe bị một lớp bụi phủ dày. Ông đoán chắc là trên những xe ấy hẳn có người Tây ngồi trong đó, vì những tay mục tử, cả già lẫn trẻ, đã thuê xe chở súc vật đến chợ phiên trước chùa để bán, xe họ không có biển cho thuê trên chóp xe. Có lẽ tại chợ phiên trước Chùa Lạt Ma, những may mắn trong quẻ sẽ được ứng nghiệm, và chuyện tốt đẹp như chuyện tiền tự trời rơi xuống ở cầu lớn Trương Gia Khẩu sẽ tái diễn.

Đoàn xe chạy ra xa và nhỏ dần như những hộp diêm. Hồng Đức Chương kéo con lạc đà và quẹo vào con đường xưa cũ. Nó bỗng rảo bước nhanh hơn trước nhiều. Ông bỗng nhớ tới ẩn dụ trong câu “Tương lai gầy, trượng mọc mầm”, và ông không hãm được sự xao xuyến, ông cứ sợ sẽ có một người dắt lạc đà thứ hai trong chợ phiên trước chùa, và kẻ ấy sẽ chộp, chộp khỏi ông cái gì đó – cái đó là cái gì thì ông cũng chưa được rõ.

Cuối cùng như thưở còn trẻ phóng lên lưng ngựa, ông xoay người và nhảy lên lưng con lạc đà. Cái đà phóng nhẹ nhàng, đúng lúc và dáng dấp đang đi của một con lạc đà cổ đang rứt cổ, cả hai có một vẻ gì đó chỏi nhau. Con lạc đà già rất trung thành với ông chủ, lúc đầu nó chạy chậm chạp, lác ít ít, rồi sau đó nó chạy như phóng. Bây giờ thì nó dồn hết cái sức già của nó, hào hển chạy bay tới bức tường đồ tía. Hồng Đức Chương, ngồi trên lưng con lạc đà, vươn cổ hồi hải ngóng nhìn: Adidà Phật, trên chợ phiên trước chùa không có người dắt lạc đà thứ hai nào.

\*4\*



Ông ta chậm rãi rải cho con lạc đà nằm xuống.

Những người bu quanh ông đầu tiên là những người đến từ 3 Châu từ Miền Nam: những người bán rong quần áo từ Ôn Châu, Phúc Châu, Quảng Châu. Có lẽ đây là lần đầu tiên bọn này thấy một con lạc đà cao phương bắc. Khi Hồng Đức Chương trèo khỏi con lạc đà xuống, bọn họ bắt đầu nhao nhao với ông:

“Bác ơi, cho tôi mượn con lạc đà chụp hình được không vậy, bác.”

“Chụp một tấm thì ông cho tôi bao nhiêu tiền đây?” Hồng Đức Chương không nói quanh co.

“Chà lão ngổ này còn đòi tiền trao cháo múc nữa đấy. Cái lão già bản tiện này đang giả trò kiếm chác rồi đây.” Gã nam man cười he he và chế diễu lão bắc quốc hai má lấm lem cát bụi.

"Rồi sao! Thế các người không bôn ba hơn 18 ngàn dặm tới đây buôn bán thì không vì tiền là vì gì?" Hồng Đức Chương chỉ dám chửi thầm trong lòng. Để bù lại chuyện thua cơ, ông ta cười: “Vào lúc mà bố của tụi bay đây này phải vượt 18 ngàn dặm, ôm súng vượt sông ra trận, thì tụi bay ở nhà ôm đéo vợ người ta.”

“Này bố già ơi, đến đây mà mua một cái khăn trùm đầu cho vợ bố. Nhìn riết cát sa mạc, rồi có lúc cũng mờ mắt. Mở to mắt ra mà nhìn, đây là hàng Hồng Kông nghe bố!”

Hồng Đức Chương bỗng nổi nóng: “Lấy cái giẻ trải lưng ngựa mà nhét vào kẻ háng bà cố nội mày!” Nói rồi, ông dắt lạc đà mà đi.

Một đám con phe từ phương Nam tới đây mà dám nói về người vợ quá cố của ông khơi khơi như vậy sao? Hay là vì Hồng Đức Chương, giữa những cái đầu của đám người tụ tập nhón nháo này, không thể kiếm ra người có tóc vàng? Gì thì gì đi nữa, mặt ông mỗi lúc mỗi sa sầm, như đám mây đen leo lên bầu trời sa mạc.

Bốn chiếc xe tắc xi với biển trắng trên vòm xe rõ ràng đang đậu ở góc quảng trường. Ông đảo dác tìm, mà vẫn không tìm được người ngoại quốc mà ông muốn tìm. Thất vọng, ông bỗng thấy toàn thân kiệt sức và ông dắt con lạc đà tới một cây bách phía ngoài cửa chùa và cột ở đó. Ông dựa vào chân tường đỏ thắm, lòi một nhúm thuốc rê, cuộn một điếu, đưa lên miệng mà hút.

Ông tự trách mình đê mê qua lác xăm mà lòng không thành. Ông nhớ rất rõ lúc đó ông vừa ngậm điếu thuốc rê trong miệng, vừa thẳm lặng niệm kinh cầu xin trong lòng, nhưng không thành tâm. Lòng không thành, tất quẻ không linh, người mà trêu chọc với thần thánh, thần thánh sẽ trêu chọc lại người. Chuyện này người ta gọi là quả báo, đi 18 dặm đường cát bụi thì cũng là đáng đời.

Thấy trời đã đứng bóng, ông vút đi tàn thuốc, than lên một tiếng dài, vừa trỗi dậy, bỗng nhiên thấy từ phía trong cổng chùa đi ra một số nam nữ quần áo kỳ dị, màu mắt khác thường, Adidã Phật, có cả đầu tóc vàng, có cả đầu tóc đen, không biết đó là người ngoại quốc hay Hoa kiều trở về nước du lịch, máy chụp hình treo nơi cổ thòng xuống tới ngực, thần kinh của Hồng Đức Chương đang chùng liên căng lên cái một, từ chân bức tường, hét lên một tiếng rồi bật dậy, nghĩ là cứ chạy đến mà nói với họ một tiếng, nhưng rồi thiếu cái mặt dày của bọn “con phe”, ông bỗng nghĩ ra một kế, ông đưa tay hướng về cái cổ của con lạc đà, ông lắc leng keng leng keng cái chuông lạc đà.

Cái chiêu này thì thập phần linh nghiệm, nhóm du khách quay cổ lại và đi về phía con lạc đà. Hồng Đức Chương nắm ngay cơ hội, trước tiên chỉ vào con lạc đà, rồi giơ hai tay lên tầm lông mày, và làm một cử chỉ chụp hình; mấy người tóc vàng lẫn tóc đen quay về phía ông cười cười rồi chạy về phía con lạc đà.

Đúng là thánh nhân đãi kẻ khù khờ. Phần dưới gốc của cây bách cỏ thụ trồi ra một cục bấu to thiết là to, dùng nó làm bệ để trèo lên lạc đà thiết là tốt, trên có nhánh cây bách tươi xanh, hậu cảnh lại có bức tường đỏ thắm của chùa, với một góc nhấm rộng, có thể chụp được cổng Chùa Lạt Ma lọt vào trong bối cảnh, cho nên nhóm du khách này trở thành khách hàng của Hồng Đức Chương. Du khách, kẻ trước người sau cỡi máy chụp hình ra khỏi cổ, chuẩn bị chụp kỷ niệm một tấm với giống lạc đà sống phía bên kia Vạn Lý Trường Thành. Nhưng vì nhiều người mà lại ít lạc đà, một số du khách ngoại quốc ngỡ ý muốn chụp hình con lạc đà trước, nên cô hướng dẫn tóc dài xoả xuống vai đành phải đứng ra làm vai người “hướng dẫn chương trình trên sân khấu”: Cô dùng cái giọng ngọt ngào của cô trước tiên cho du khách trèo lên lạc đà theo thứ tự, sau đó nói với du khách là cô sẽ chụp giùm hình cho họ.

Chuyện chụp hình lạc đà lại sinh ra tùm lum chuyện khác, khách cỡi trên lưng lạc đà trăm kiểu, nghìn cách, làm vỡ những tràng cười to hết cỡ. Hồng Đức Chương đứng bên cạnh như một cây khô bị sét đánh, mặt cái niềm vui mời khách hàng. Những du

khách biết điều, họ dúi vào lòng tay ông một tờ đồng nguyên họ đổi được hay ngoại tệ, ông hững hờ không nhìn vào tờ bạc để biết là bao nhiêu, mà nhét tiền vào túi một cách máy móc. Ông, thần sắc hoảng hốt, nhìn chăm vào một du khách Hoa kiều, vì cô hướng dẫn tóc dài ngang vai sắp xếp du khách cho có thứ tự xưng lên tên của một vị đáng kính gọi là Lý Quảng. Cái tên này vừa lạ vừa quen, trước hết nó làm cho tim ông run lên, rồi ông như chết sững.

Ông mở to hai con mắt khô kiệt của mình rồi cẩn thận nhìn chăm chú vào vị có đầu tóc hoa râm ấy. Nước da trắng và chiều cao trung bình, tất cả ăn khớp với con người cách đây 30 năm trước; chỉ khác cái bụng trong lớp tây phục kia, có hơi nhình, trên má đã có nhiều đường nhăn, trên mũi lại đeo một cái kiếng gọng vàng. Đã là người, ai cũng phải già. Có thể nào đây là anh chàng đẹp trai ngày ấy đã chạy đến “Cửa Nam”?!

Ông du khách già chẳng biết là Hồng Đức Chương đang nhìn lên mình, ông đang đứng trên một ụ đất, vươn cổ như đang ngóng nhìn sa mạc bao la. Một lúc sau ông rút khăn mù soa lau tròng kiếng, nhìn chái cong của Chùa Lạt Ma. Chẳng bao lâu tới phiên ông leo lưng lạc đà, ông chậm rãi bước về phía Hồng Đức Chương. Hồng Đức Chương, theo bản năng, cúi đầu chào ông ta, và nói thầm trong miệng: Không phải là hấn ta, đây không phải là hấn ta, chắc chắn là vì con mắt ta vốn đã khô kiệt lại còn có mộng mà thôi.

Một đôi giày bóng lộng, bước lên cục u tròn tròn trên thân cây, vừa khi ông ta xoay người để cỡi lạc đà, thì cũng là lúc bàn chân ông ta đột nhiên bấu chặt trên u cây, không động đậy. Hồng Đức Chương ngóc đầu nhìn nhìn, nói lắp bắp, nguyên lai là vì ông du khách già hai mắt cứ nhìn chăm vào hàng chữ đốt trên móng con lạc đà. Tim Hồng Đức Chương đập như trống đánh, đập thành thạch loạn cả lên. Ông già vỗ vỗ lên trán, như thể để nhớ lại điều chi đó mà ông quên đã lâu. Đôi má trắng ửng hồng lên, ông ta từ từ quay đầu lại. Ánh mắt phóng trên bộ đồng phục màu xanh lam, rồi lướt lơ trên đó, và với giọng khàn khàn hỏi:

“Lạc đà này là của ông?”

Hồng Đức Chương cảm thấy đầu căng ra như đang đau trí:

“Lạc đà mượn.”

“Người chủ lạc đà ở đâu?” Trái cảm của ông già cứ chao lên chao xuống trên cổ.

“Người chủ lạc đà là bạn của ông?”

Hồng Đức Chương nhìn xuống đôi giày đế mủ với mặt trên đã rách bươm, đồng thời hai chân cứ bối rối đổi qua đổi lại:

“Họ hàng.”

“Ồ!”

Trong khi Hồng Đức Chương ngẩng đầu lên và nhìn lên ông già, thì ông ta đã ngồi đầu vô đó trên lưng lạc đà. Ông ta gom lại mái tóc trắng bị gió thổi bay tơi bời, sửa



dáng theo ông kiếng máy ảnh đang kéo ra cho thích hợp, rồi cười vui vẻ, thoái mái, an nhàn thôn dã, ông còn giật giật giây cương trong tay; rồi còn làm ra cái vẻ đang nhàn du trên lưng lạc đà. Du hành với những người bạn du lịch đầu vàng lẫn đầu đen, trợn nói xôn xao, sóng cười cao vút. Mượn cơ hội này, Hồng Đức Chương nhìn chăm chú vào mu bàn tay của ông già đang nắm cương, lòng Hồng Đức Chương chìm xuống, chìm xuống trong mỗi trợn cười, và trong một thoáng rơi xuống thung lũng sâu vạn trượng...

Ông cảm thấy trời xoay mòng mòng, đất sụm xuống, rồi ông ngồi bệt dưới chân tường Chùa Lạt Ma, nghĩ ngợi âm thầm: Ông Trời Già có mắt mà không có tròng, vì có gì đã cho tôi, Hồng Đức Chương, được đến tận chỗ chợ phiên này, đất lạc đà kiếm tiền, họ cỡi lạc đà họ cho tiền, rồi lại dính tới chuyện hàng chữ Hồng Đức Chương, chữ lớn, đốt trên mông lạc đà, lúc này đang bị ép dưới đít của lão già Hoa kiều kia. Ông muốn khóc to mà không nhỏ lệ, muốn hét nhưng khó mà thành tiếng, lực phủ ngũ tạng như đang bốc cháy, ông, từ trên xuống dưới, cảm thấy như thiêu như đốt, đau đớn không thể nào chịu đựng được nổi. Ông sợ tóc vàng lẫn bộn tóc đen, nhìn cái vẻ lạ lùng trên khuôn mặt ông ấy, ông cảm lấy mép mũ kéo xuống che lấy mi mắt, rồi như người bị đau tim, ông nằm co dưới chân bức tường của chùa, bất động.

“Tiền... tiền...”

Hồng Đức Chương không đưa bàn tay ra.

“Này chú đất lạc đà, tôi có vài điều muốn nói với chú.” Ông già cúi cái vành bụng hơi nhỉnh của mình. “Chú có thể nói cho tôi biết người chủ con lạc đà ở chỗ nào được không?”

Hồng Đức Chương trơ như tượng đất.

“Xin lỗi chú, thế ông ấy công tác ở đơn vị nào vậy?”

Hồng Đức Chương, giòng nước mắt cay đắng bỗng trào ra khỏi hốc mắt, gục đầu mình vào giữa hai đầu gối.

Có tiếng nói ngọt ngào của cô hướng dẫn viên du lịch:

“Này đồng chí đất lạc đà, ông Lý ấy muốn hỏi ông điều gì đó! Đồng chí trả lời đi chứ, ông kiều bào này muốn gặp người chủ của con lạc đà đấy.”

Hồng Đức Chương bị dồn vào chân tường trước chuỗi lời này. Đột nhiên ông lấy cổ tay áo che hốc mắt lại, từ chân tường nhảy dựng lên như một trái banh da, hét to tới khàn cả giọng:

“Tôi là một kẻ mù...”

“Tôi là một thằng câm...”

Hồng Đức Chương kiệt sức, không chịu đựng được nữa, lại ngồi xuống chân bức tường của chùa. Tiếng ồn ào không đập vào tai nữa, mọi sự lại trở về trong thinh lặng.

Đã lâu lắm rồi, ông mới nghe tiếng chim kêu phảng phất trong cây bách. Hồng Đức Chương mở mắt ra. Bóng cây đã nghiêng, chợ phiên cũng vừa vãn. Sau khi đã tỉnh giấc khỏi cõi hỗn độn nửa mơ nửa tỉnh, ông cảm thấy đói bụng. Nơi bức tường chùa, ông chống tay, loạng choạng đứng dậy, thấy quầy bán bánh rán vẫn chưa dọn, bèn tính mua 2 cái để ăn, ông chỉ cần bước 2 bước, mà ông vẫn đứng trơ ra đó. Nguyên do ông ta dựa vào bức tường là vì bị choáng váng, một ít tiền ông kiếm được và ngoại tệ mà du khách đã cho ông, tất cả đã bị “bọn móc túi” thọc vào túi ông lấy mất đi rồi.

Ông to họng chửi lung tung một trận nơi đường chính.

Sau đó, ông lại tự chửi mình sao lại đến nơi này cho khổ.

Khi ông cảm thấy miệng khô, lưỡi rộp, tới lúc đó ông mới nhớ con lạc đà đứng bên đường. Quay đầu nhìn qua, con lạc đà vẫn chưa bị ai đó dắt đi. Nó đứng nhìn vào bức tường, nhắm mắt, trơ như gỗ, không yêu, không ghét, không buồn, không vui, cũng như thế, nhìn bức tường thắm đỏ của chùa, chủ nó lặng thinh cầu nguyện...

Tùng Duy Hi

sửa chữa xong 22 III 1988

Chú thích của dịch giả:

\*<sup>1</sup> Trong nguyên bản dùng chữ 心田: tâm-điền: tâm lòng; không ăn nhập gì ở đây; có thể là lỗi đánh máy.

\*<sup>2</sup> 板門店: Bản Môn Điểm chứ không phải Bàn Môn Điểm.

\*<sup>3</sup> Khi trao đổi tù binh, tù binh Trung Cộng được phép chọn “Cửa Bắc” về lại tổ quốc Trung Cộng, hoặc “Cửa Nam” về phía Phe Tự Do.

Nguồn: <https://www.99lib.net/book/2666/index.htm>